

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

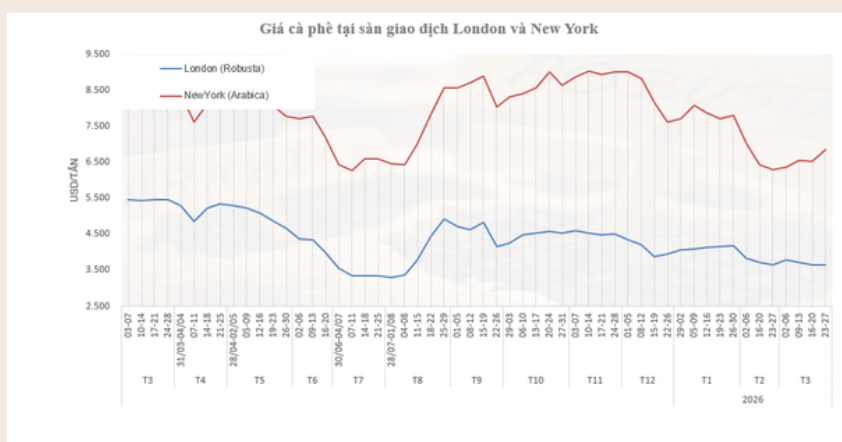
www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên sàn giao dịch New York và giảm trên sàn London trong tuần từ 23/03/2025 - 27/03/2026.
- Nguồn cung cà phê toàn cầu 2025/26: Brazil hạn chế bán ra, Colombia giảm sản lượng, Indonesia và Uganda ghi nhận tăng trưởng hoặc ổn định.
- Trong giai đoạn tháng 4/2025-2/2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê Ấn Độ đạt 1,86 tỷ USD.
- Starbucks phân phối 100 triệu cây cà phê cho các quốc gia sản xuất chủ lực.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 23/03/2026 đến 27/03/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 03/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.660 USD/tấn, giảm 0,2% so với tuần trước và giảm 33% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.751 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.596 USD/tấn. [1] Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2026 bình quân đạt 6.871 USD/tấn, tăng 5% so với tuần trước, và giảm 20,3% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.007 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.768 USD/tấn.[1]

NGUỒN CUNG CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Trong niên vụ cà phê 2025/26, nguồn cung toàn cầu đang chịu tác động đáng kể từ diễn biến sản xuất tại các quốc gia chủ chốt. Tại Brazil, sản lượng Arabica duy trì ở mức thấp tương đối, trong khi lượng cà phê vự mới bán trước chỉ đạt khoảng 12%, phản ánh tâm lý găm hàng trong bối cảnh giá kỳ hạn suy yếu. Dù vậy, niên vụ tới được kỳ vọng có thể đạt hoặc vượt mức kỷ lục của niên vụ 2020/21.[2]

Ở Colombia, tổng sản lượng niên vụ tháng 10/2025–9/2026 dự báo đạt khoảng 13,50 triệu bao, giảm so với mức 14,86 triệu bao của niên vụ trước, trong khi xuất khẩu ước đạt 11,50 triệu bao.[2]

Indonesia dự kiến đạt 11,50 triệu bao trong niên vụ 4/2026–3/2027,



với cơ cấu khoảng 80% Robusta, song vẫn tiềm ẩn rủi ro do thời tiết bất lợi tại khu vực Sumatra và Aceh.[2]

Uganda được dự báo đạt khoảng 8 triệu bao (gồm 7 triệu bao Robusta và 1 triệu bao Arabica), và có thể tăng lên 8,40 triệu bao trong niên vụ tiếp theo.[2]

Tại Peru, sản lượng niên vụ hiện tại ước đạt 3,70 triệu bao, tăng 5,71% so với năm trước và có thể đạt 3,80 triệu bao trong niên vụ mới.[2]

Kenya dự kiến đạt 850.000 bao, tăng 13,33%, trong đó xuất khẩu khoảng 800.000 bao và tiêu dùng nội địa ở mức 62.000 bao.[2]

Burundi và Rwanda lần lượt đạt khoảng 400.000 bao và 265.000 bao.[2]

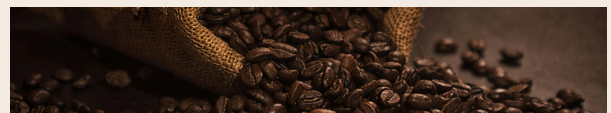


TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI HOA KỲ ĐỐI VỚI CÀ PHÊ

Trong năm 2026, chính sách thương mại của Hoa Kỳ đang tái định hình mạnh mẽ cấu trúc thương mại cà phê toàn cầu thông qua các biện pháp thuế quan và căng thẳng địa chính trị. Tại Brazil, dù cà phê xanh và rang xay được miễn thuế, việc duy trì mức thuế 50% đối với cà phê hòa tan đã khiến xuất khẩu mặt hàng này sang Hoa Kỳ giảm 35%, đồng thời kéo giảm tổng lượng xuất khẩu sang thị trường này 33,9%. Ngược lại, Colombia hưởng lợi khi được dỡ bỏ thuế 10%, qua đó tăng xuất khẩu sang Hoa Kỳ 14,7%, trở thành nguồn cung thay thế quan trọng. Việt Nam, chiếm khoảng 17% sản lượng toàn cầu, hiện chưa chịu thuế trực tiếp nhưng vẫn đối mặt với rủi ro chính sách. Mexico duy trì lợi thế nhờ miễn thuế theo Hiệp định USMCA, trong khi Trung Quốc chịu mức thuế lên tới 54%, gần như bị loại khỏi thị trường Hoa Kỳ. Đồng thời, căng thẳng thương mại Hoa Kỳ – EU và các đe dọa thuế quan mới đã làm gián đoạn dòng chảy cà phê chế biến giữa hai khu vực. Tổng thể, các yếu tố chính trị đang ngày càng chi phối thương mại cà phê toàn cầu, vượt qua các yếu tố cung cầu truyền thống.[3]

ẤN ĐỘ

Xuất khẩu cà phê của Ấn Độ đang ghi nhận tăng trưởng mạnh trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu đối với các sản phẩm giá trị gia tăng ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn tháng 4/2025-2/2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê Ấn Độ đạt 1,86 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước và vượt mức kỷ lục khoảng 1,8 tỷ USD của năm trước đó. Đáng chú ý, riêng phân khúc cà phê hòa tan đóng góp 498 triệu USD trong giai đoạn tháng 4-1/2026, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của chế biến sâu trong nâng cao giá trị xuất khẩu. Cà phê Ấn Độ, với đặc điểm canh tác dưới tán rừng, thu hái thủ công và tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững, đang tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Về cơ cấu thị trường, Italy đạt 251 triệu USD (chiếm 16% kim ngạch), Đức đạt 144 triệu USD (9% kim ngạch) và Nga đạt 137 triệu USD (8% kim ngạch). Ấn Độ hiện là quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ bảy thế giới, với Robusta chiếm khoảng 72% sản lượng. Xu hướng này phản ánh sự chuyển dịch từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị cà phê.[4]



HOA KỲ

Hội nghị thường niên của Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ (NCA) tổ chức tại Tampa, Florida đã quy tụ các tác nhân chủ chốt trong chuỗi giá trị nhằm đánh giá diễn biến thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô tác động đến ngành cà phê toàn cầu. Thảo luận tập trung vào áp lực lạm phát và kỳ vọng lãi suất cao, kéo theo chi phí đầu vào gia tăng, điều kiện tài chính thắt chặt và biến động tỷ giá, qua đó gây sức ép lên biên lợi nhuận và chiến lược định giá. Đồng thời, hành vi tiêu dùng đang có sự phân hóa rõ rệt giữa nhóm nhạy cảm về giá và nhóm sẵn sàng chi trả cho các sản phẩm cao cấp. Xu hướng tiêu dùng tại nhà tiếp tục duy trì, cùng với sự gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm tiện lợi như cà phê pha sẵn và dạng dùng một lần. Bên cạnh đó, mối quan tâm đến tính bền vững và nguồn cung có trách nhiệm vẫn là vấn đề trọng tâm, đặc biệt trong bối cảnh giá thành các sản phẩm này có xu hướng tăng. Hội nghị cũng giới thiệu báo cáo xu hướng dữ liệu cà phê quốc gia sắp công bố, cung cấp cơ sở phân tích cho quyết định ngành. Hoa Kỳ hiện là thị trường nhập khẩu và tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, với quy mô khoảng 26 triệu bao mỗi năm.[5]

STARBUCKS ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

Tập đoàn Starbucks vừa công bố đạt cột mốc quan trọng khi đã phân phối 100 triệu cây cà phê cho các quốc gia sản xuất chủ lực như El Salvador, Guatemala và Mexico, nhằm hỗ trợ tái canh và nâng cao năng suất cho nông hộ quy mô nhỏ.[6]

Các giống cây được lựa chọn có khả năng thích ứng tốt với điều kiện khí hậu bất lợi, góp phần tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống canh tác Arabica. Đồng thời, doanh nghiệp cam kết tiếp tục tài trợ thêm 50 triệu cây tại các vùng chiến lược như Ethiopia, Tanzania, Indonesia, Colombia, Costa Rica và Honduras.[6]

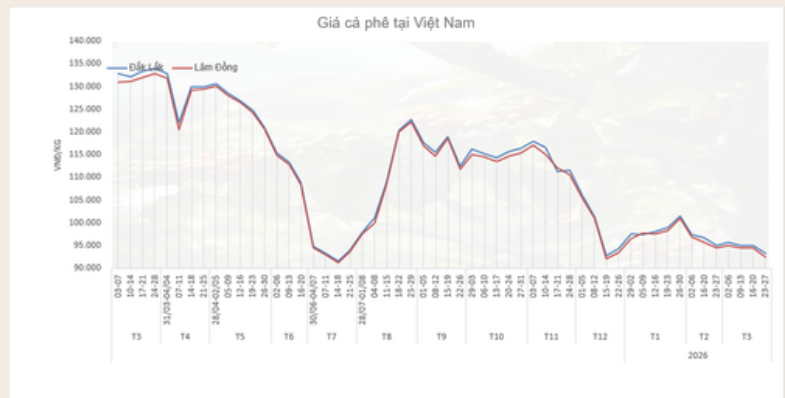
Chương trình này được khởi xướng từ năm 2017, tập trung thay thế các vườn cây già cỗi hoặc dễ nhiễm bệnh. Hoạt động nghiên cứu và phát triển giống được triển khai tại nông trại Hacienda Alsacia (Costa Rica) cùng với sự hợp tác của Conservation International - tổ chức trực tiếp làm việc với nông dân và đối tác để đảm bảo chất lượng cây giống. Sáng kiến phản ánh cách tiếp cận đa bên nhằm nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ sinh thái cà phê toàn cầu.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc tăng so với tuần trước.
- Tháng 1/2026, Việt Nam cung cấp 9,1 nghìn tấn, tương đương 42,7 triệu USD, chiếm 29,56% thị phần cà phê nhập khẩu của Nhật Bản.
- Sáng kiến Liên minh Cà phê Toàn cầu (GCA) được ra mắt tại Hội nghị Cà phê Quốc tế 2026 - Hà Nội.
- Nguồn cung giống cà phê tại tỉnh Sơn La đang gia tăng mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu tái canh và mở rộng diện tích sản xuất.
- Giá xăng, dầu tăng mạnh dẫn đến chi phí sản xuất cà phê tại Lâm Đồng, đang gia tăng đáng kể.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 23/03/2026 đến ngày 27/03/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc tăng so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 93.373 VNĐ/kg, tăng 1,8% so với tuần trước, và giảm 30% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 93.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 92.433 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 92.540 VNĐ/kg, tăng 1,9% so với tuần trước, và giảm 29,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 93.200 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 91.700 VNĐ/kg. [1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG NHẬT BẢN

Việt Nam tiếp tục giữ vai trò là nguồn cung cà phê lớn thứ hai cho Nhật Bản, một thị trường có quy mô tiêu thụ lớn và ổn định tại châu Á. Tháng 1/2026, Nhật Bản nhập khẩu 30,7 nghìn tấn cà phê, trị giá 222,3 triệu USD, trong đó Việt Nam cung cấp 9,1 nghìn tấn, tương đương 42,7 triệu USD, chiếm 29,56% thị phần. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường này giảm 2,8% về lượng và 14,9% về giá trị, đồng thời giá xuất khẩu bình quân giảm 12,5% xuống còn 4.697 USD/tấn, trái ngược với xu hướng tăng giá chung của thị trường thế giới (7.229 USD/tấn, tăng 28,2%). Sự suy giảm thị phần phản ánh cạnh tranh gia tăng từ Brazil và Colombia. Dù vậy, với lợi thế giá cạnh tranh và nguồn cung ổn định, Việt Nam vẫn duy trì vị thế quan trọng trong chuỗi cung ứng. Tiêu thụ cà phê Nhật Bản dự kiến đạt 480 nghìn tấn vào năm 2030.[2]



RA MẮT SÁNG KIẾN LIÊN MINH CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Sáng kiến Liên minh Cà phê Toàn cầu (GCA) được ra mắt tại Hội nghị Cà phê Quốc tế 2026 - Hà Nội, được kỳ vọng mở ra hướng phát triển mới cho ngành cà phê Việt Nam trong bối cảnh đối mặt với áp lực từ biến đổi khí hậu, biến động thị trường và yêu cầu chuyển đổi bền vững. Là quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ hai thế giới, Việt Nam đang chịu tác động rõ rệt từ thời tiết cực đoan, suy giảm tài nguyên nước và biến động giá cả, làm hạn chế khả năng đầu tư dài hạn. GCA, với mô hình hợp tác công – tư mang tính toàn cầu, đặt mục tiêu xây dựng hệ sinh thái cà phê phát thải ròng bằng không, hướng tới 100% diện tích canh tác đạt chuẩn nông nghiệp tái tạo vào năm 2040 và nâng cao sinh kế cho khoảng 125 triệu lao động trong ngành. Đáng chú ý, sáng kiến thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và blockchain nhằm nâng cao minh bạch, truy xuất nguồn gốc và hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có cơ hội chuyển dịch từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang phát triển chế biến sâu và gia tăng giá trị trong chuỗi cà phê toàn cầu.[3]

SƠN LA

Trong bối cảnh chuẩn bị bước vào vụ trồng mới, nguồn cung giống cà phê tại tỉnh Sơn La đang gia tăng mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu tái canh và mở rộng diện tích sản xuất. Các hợp tác xã và cơ sở ươm giống tại Mai Sơn, Thuận Châu, Chiềng Mung, Chiềng Cơi... đang hoạt động với công suất cao, huy động thêm lao động để bảo đảm tiến độ sản xuất. Đáng chú ý, bên cạnh giống Catimor truyền thống, giống mới THA1 được đẩy mạnh nhân rộng nhờ ưu thế về năng suất (30–35 tấn quả tươi/ha/năm), chất lượng đồng đều và phù hợp chế biến sâu. Nhu cầu thị trường tăng nhanh khiến nhiều đơn vị đã kín đơn hàng từ sớm, với quy mô cung ứng lên tới hàng triệu cây giống mỗi năm. Tuy nhiên, quá trình sản xuất vẫn đối mặt với áp lực cân đối cung – cầu do yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng và thời gian ươm cây. Theo định hướng đến năm 2030, Sơn La duy trì diện tích khoảng 30.000 ha, trong đó gần 10.000 ha cần tái canh, cho thấy nhu cầu giống chất lượng cao sẽ tiếp tục gia tăng, đặt ra yêu cầu phát triển hệ thống vườn ươm bền vững.[4]

LÂM ĐỒNG

Trong bối cảnh giá xăng, dầu tăng mạnh, chi phí sản xuất cà phê tại Việt Nam, đặc biệt ở các vùng trọng điểm như Lâm Đồng, đang gia tăng đáng kể, ước tính từ 15–20% và thậm chí cao hơn ở các khâu phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu. Giá dầu tăng từ khoảng 17.000 VNĐ/lít lên gần 33.000 VNĐ/lít đã làm chi phí tưới tiêu tăng mạnh, với mỗi đợt tưới có thể phát sinh thêm hàng triệu đồng, kéo tổng chi phí cả vụ tăng lên hàng chục triệu VNĐ/hộ. Đồng thời, chi phí lao động tăng khoảng 15% và giá vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng 10–15%, tạo hiệu ứng lan tỏa lên toàn bộ chuỗi sản xuất. Trong khi đó, giá đầu ra tiềm ẩn nhiều biến động, làm gia tăng rủi ro “được giá nhưng không có lãi” và thu hẹp biên lợi nhuận của nông hộ. Trước áp lực này, người sản xuất buộc phải điều chỉnh chiến lược canh tác, đồng thời từng bước chuyển sang các giải pháp tiết kiệm chi phí như tưới tiết kiệm nước, sử dụng năng lượng tái tạo và tăng cường phân hữu cơ nhằm nâng cao tính bền vững.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	93.000	92.600	93.200	92.200	91.700	92.540	1.740
Di Linh	93.000	92.600	93.200	92.200	91.700	92.540	1.740
Lâm Hà	93.000	92.600	93.200	92.200	91.700	92.540	1.740
Bảo Lộc	93.000	92.600	93.200	92.200	91.700	92.540	1.740
ĐẮK LẮK	93.933	93.433	93.933	93.133	92.433	93.373	1.680
Cư M'gar	94.000	93.500	94.000	93.200	92.500	93.440	1.680
Ea H'leo	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680
Buôn Hồ	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680
GIA LAI	93.933	93.433	93.933	93.133	92.433	93.373	1.713
Chư Prông	94.000	93.500	94.000	93.200	92.500	93.440	1.780
Pleiku	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680
La Grai	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680
Quảng Ngãi	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680
Kon Tum	93.900	93.400	93.900	93.100	92.400	93.340	1.680

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.stonex.com>
- [4]: <https://www.msn.com>
- [5]: <https://www.iandmsmith.com>
- [6]: <https://www.gcrmag.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [3]: <https://vneconomy.vn>
- [4]: <https://baosonla.vn>
- [5]: <https://baolamdong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả